

Bản án số: 13/2017/DS-ST

Ngày: 08/9/2017

“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huê
2. Bà Trần Thị Kia

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm thông thường công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2017/TLST-DS ngày 22/6/2017, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐST-DS ngày 15/7/2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Tổ 5, phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Đều có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 2, phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 02/02/2016 bà Nguyễn Thị Bích T có vay (mượn) của vợ chồng ông bà số tiền là 27.000.000đồng. Khi vay hai bên có viết “giấy hẹn nợ” đề ngày 02/02/2016 do bà T viết, ký xác nhận nhưng không ghi thời gian cụ thể trả nợ nhưng có hứa là thời gian ngắn sẽ trả và không ghi có lãi. Từ thời điểm vay đến nay, mặc dù ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không trả được bất kỳ khoản tiền nào. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 27.000.000đồng và số tiền lãi là 3.000.000đồng từ thời điểm vay cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền lãi 3.000.000đồng nữa.

Trong bản tự khai ngày 26/6/2017 cũng như trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà thừa nhận trước đây có vay vợ chồng ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H số tiền là 27.000.000đồng. Khi vay bà có viết và ký xác nhận vào “giấy hẹn nợ” đề ngày 02/02/2016, hứa thời gian ngắn sẽ hoàn trả số tiền đã vay. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con bà đang đau ốm nên đến nay bà vẫn chưa trả được khoản nợ này cho vợ chồng ông B, bà H được. Nay vợ chồng ông B, bà H khởi kiện thì bà đề nghị ông B, bà H cho bà trả nợ theo phương án: Trả 1.000.000đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ gốc đã vay là 27.000.000đồng, về số tiền lãi 3.000.000đồng thì bà xin ông B, bà H bớt cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Việc bà Nguyễn Thị Bích T có vay số tiền 27.000.000đồng của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H vào ngày 02/02/2016, đến nay xảy ra tranh chấp nên ông B bà H đã nộp đơn khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã A tiến hành thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

2. Về chứng cứ: Khi khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án “Giấy hẹn nợ” bản gốc đề ngày 02/02/2016 (Bút lục 48). Chứng cứ này, bị đơn bà T thừa nhận do chính bà viết và ký tên xác nhận bên vay. Bà T xác nhận hiện nay bà vẫn còn nợ ông B, bà H số tiền là 27.000.000đồng. Vì thế, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì vấn đề này không cần phải chứng minh.

3. Về nội dung tranh chấp: Ông B, bà H và bà T đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên tự nguyện giao kết với nhau bằng hợp đồng vay tiền được thể hiện qua “giấy hẹn nợ” đề ngày 02/02/2016 với số tiền vay là 27.000.000đồng. Như vậy, hợp đồng vay tài sản nêu trên giữa ông B, bà H và bà T phù hợp với quy định của Điều 122, 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005, nên có hiệu lực pháp luật ràng buộc trách nhiệm dân sự của các bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trong trường hợp này cần áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết tranh chấp. Khi vay bà T không ghi rõ thời hạn trả nợ, nhưng bà T thừa nhận có hứa thời gian ngắn sẽ trả, tuy nhiên từ ngày giao kết hợp đồng cho đến nay, mặc dù ông B, bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà T vẫn không trả được khoản tiền vay nên bà T đã vi phạm nghĩa vụ dân sự mà hai bên cam kết theo quy định tại khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 474, Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Phía nguyên khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc 27.000.000đồng. Việc khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các Điều 255, 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự 2005, Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà T xin trả dần số tiền nợ gốc 27.000.000đồng theo phương án: Trả dần cho đến khi hết số tiền nợ gốc đã vay là 27.000.000đồng. Vấn đề này nguyên đơn ông B, bà H không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận đề nghị này.

4. Về khoản lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu về khoản tiền lãi, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi nêu trên của Nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

5. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.350.000đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 255, 298, 471, khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 476; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải trả cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 27.000.000đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.350.000đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông B, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai số: 0000949 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2017), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS tx A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Long Sơn

